



fáng chóng pēn wù

防虫喷雾

noun · insect repellent spray

Example Sentence

jìn rù sēn lín qián yào pēn fáng chóng pēn wù
进入森林前要喷防虫喷雾。

Apply insect repellent spray before entering
the forest.

Trace each character, then write the word on your own.

防	防	防	防	防	防	防	防	防		
虫	虫	虫	虫	虫	虫	虫	虫	虫		
喷	喷	喷	喷	喷	喷	喷	喷	喷	喷	喷
喷	喷	喷	喷							
雾	雾	雾	雾	雾	雾	雾	雾	雾	雾	雾
雾	雾	雾	雾	雾						